

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 776/QĐ-ĐHCN ngày 2 tháng 08 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình	: Cử nhân Thẩm định giá
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Kiểm toán
Mã số	: DH3403022
Hình thức đào tạo	: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Cử nhân Thẩm định giá được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về Kinh doanh và quản lý; có kiến thức và năng lực chuyên môn trong việc thẩm định giá các loại tài sản trong nền kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập; có khả năng thẩm định giá các loại tài sản quan trọng trong nền kinh tế như bất động sản; định giá thành và giá bán các loại sản phẩm, thẩm định các dự án đầu tư của các tổ chức cá nhân và chính phủ; có khả năng học tập nâng cao cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp thẩm định giá.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kinh tế cơ bản của nhóm ngành kinh doanh và quản lý vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

- Áp dụng được các kiến thức cơ bản về thẩm định giá và mô tả được quy trình thẩm định giá các tài sản quan trọng.

- Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu trong việc xây dựng và thực hiện thẩm định bất động sản, máy móc - thiết bị, nhà xưởng, giá trị doanh nghiệp, thương hiệu, nguồn tài nguyên.

- Sử dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân thẩm định giá có kiến thức thực tiễn về định giá tài sản; tiếp cận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo từng vị trí công việc được phân công.

1.2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng xử lý công việc chuyên môn và nghiên cứu một cách độc lập, sáng tạo.
- Kỹ năng làm việc theo nhóm hiệu quả, giải quyết mối quan hệ trong nhóm để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.
- Có kỹ năng giao tiếp tốt, có khả năng diễn đạt rõ ràng, thuyết phục ý kiến cá nhân đến công việc chuyên môn.
- Có khả năng tổ chức, thực hiện các hoạt động thẩm định giá.

1.2.3. Về thái độ

- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.
- Có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo pháp luật.
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.
- Chấp hành nghiêm túc pháp luật của nhà nước và các quy định của cơ quan. Làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống lành mạnh.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình này, người học có thể làm việc tốt tại các vị trí sau:

Chuyên viên thẩm định giá trong các công ty kiểm toán, công ty định giá, các sàn giao dịch bất động sản, các trung tâm đấu giá của phòng thi hành án thuộc sở tư pháp, các phòng vật giá, các trung tâm dịch vụ thẩm định giá và ban đấu giá tài sản thuộc sở tài chính; hội đồng thẩm định giá giá trị doanh nghiệp nhà nước của các bộ ban ngành tỉnh, tổng công ty, các trung tâm, các phòng thẩm định giá thuộc sở tài nguyên môi trường, các ngân hàng nhà nước và ngân hàng thương mại; cán bộ nghiên cứu, giảng viên về thẩm định giá tại các trường, viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực thẩm định giá.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
- Đạt chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao xác định theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 147 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông, hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 787/QĐ-ĐHCN ngày 9

tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

6. Thang điểm: Thang điểm chữ theo Quy chế kèm theo Quyết định số 787/QĐ-ĐHCN ngày 9 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	44	37	7	0
I.1		Các môn lý luận chính trị	11	11	0	0
1	LP6010	Triết học Mác-Lênin	3	3,0	0,0	0,0
2	LP6011	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2,0	0,0	0,0
3	LP6012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2,0	0,0	0,0
4	LP6013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2,0	0,0	0,0
5	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2,0	0,0	0,0
I.2		Khoa học xã hội và nhân văn	9	9	0	0
		Kiến thức bắt buộc	7	7	0	0
1	1203107	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
		Ngoại ngữ	5	5	0	0
1	1303176	Tiếng Anh Thương mại 1*	5	5	0	0
2	1303177	Tiếng Anh Thương mại 2*	5	5	0	0
3	1303178	Tiếng Anh Thương mại 3*	5	5	0	0
4	1303179	Tiếng Anh Thương mại 4*	5	5	0	0
5	1303180	Tiếng Anh Thương mại 5*	5	5	0	0
6	1303181	Tiếng Anh Thương mại*	5	5	0	0
	TcTDG1	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0	0
1	1403114	<i>Kỹ năng giao tiếp</i>	2	2	0	0
2	1403133	<i>Tâm lý học người tiêu dùng</i>	2	2	0	0
3	1603162	<i>Văn hóa doanh nghiệp</i>	2	2	0	0
I.3		Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học	12	12	0	0
		Kiến thức bắt buộc	9	9	0	0
1	1003107	Toán cao cấp 1	3	3	0	0
2	1003109	Toán cao cấp 2C	3	3	0	0
3	1003111	Xác suất thống kê	3	3	0	0
	TcTDG2	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	3	3	0	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
1	1603104	Đạo đức kinh doanh	3	3	0	0
2	1603106	Địa lý kinh tế	3	3	0	0
3	1603121	Lịch sử kinh tế thế giới	3	3	0	0
I.4	TcGDTC	Giáo dục thể chất (Chọn tối thiểu 4TC)	4	0	4	0
1	0903127	Bóng bàn 1	1	0	1	0
2	0903128	Bóng bàn 2	1	0	1	0
3	0903113	Aerobic 1	1	0	1	0
4	0903114	Aerobic 2	1	0	1	0
5	0903115	Bóng chuyền 1	1	0	1	0
6	0903116	Bóng chuyền 2	1	0	1	0
7	0903117	Bơi 1	1	0	1	0
8	0903118	Bơi 2	1	0	1	0
9	0903135	Cầu mây 1	1	0	1	0
10	0903136	Cầu mây 2	1	0	1	0
11	0903137	Đá cầu 1	1	0	1	0
12	0903138	Đá cầu 2	1	0	1	0
13	0903129	Bóng rổ 1	1	0	1	0
14	0903130	Bóng rổ 2	1	0	1	0
15	0903139	Bóng đá 1	1	0	1	0
16	0903140	Bóng đá 2	1	0	1	0
17	0903133	Cầu lông 1	1	0	1	0
18	0903134	Cầu lông 2	1	0	1	0
19	0903121	Karate 1	1	0	1	0
20	0903122	Karate 2	1	0	1	0
21	0903123	Khiêu vũ 1	1	0	1	0
22	0903124	Khiêu vũ 2	1	0	1	0
23	0903125	Pencak Silat 1	1	0	1	0
24	0903126	Pencak Silat 2	1	0	1	0
25	0903141	Tennis 1	1	0	1	0
26	0903142	Tennis 2	1	0	1	0
I.5		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	5	3	0
1	0903101	Công tác quốc phòng, an ninh	2	2	0	0
2	0903108	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3	0	3	0
3	0903102	Đường lối quân sự của Đảng	3	3	0	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	103	69	15	19
II.1		Kiến thức cơ sở	46	38	4	4
II.1.1		Kiến thức cơ sở của khối ngành	27	25	2	0
		Kiến thức bắt buộc	25	23	2	0
1	1603115	Kinh tế vi mô	4	4	0	0
2	1603116	Kinh tế vĩ mô	3	3	0	0
3	1603123	Marketing căn bản	3	2	1	0
4	1603122	Lý thuyết thống kê	3	2	1	0
5	1203104	Luật kinh tế	3	3	0	0
6	1103121	Nguyên lý kế toán	3	3	0	0
7	1603148	Tài chính tiền tệ	3	3	0	0
8	1003102	Kinh tế lượng	3	3	0	0
	TcTDG3	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0	0
1	1603117	<i>Kỹ năng làm việc nhóm</i>	2	2	0	0
2	1103148	<i>Kỹ năng nghề nghiệp kế toán, kiểm toán</i>	2	2	0	0
3	1603142	<i>Quản trị văn phòng</i>	2	2	0	0
II.1.2		Kiến thức cơ sở ngành	19	13	2	4
		Kiến thức bắt buộc	16	11	1	4
1	1603144	Tài chính doanh nghiệp	3	2	1	0
2	1103151	Những vấn đề pháp luật có liên quan đến thẩm định giá	3	3	0	0
3	1103150	Nguyên lý thẩm định giá	3	3	0	0
4	1103120	Lý thuyết kiểm toán	3	3	0	0
5	1103157	Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Thẩm định giá)	4	0	0	4
	TcTDG4	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)	3	2	1	0
1	1603151	<i>Toán tài chính</i>	3	2	1	0
2	1603155	<i>Thị trường chứng khoán</i>	3	2	1	0
3	1603185	<i>Xác định rủi ro và áp dụng quy trình xử lý rủi ro</i>	3	3	0	0
4	1603143	<i>Tài chính công</i>	3	2	1	0
II.2		Kiến thức chuyên ngành	42	31	11	0
		Kiến thức bắt buộc	40	29	11	0
1	1103109	Kế toán tài chính 1	3	3	0	0
2	1103110	Kế toán tài chính 2	3	3	0	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
3	1103118	Kiểm toán tài chính 1	3	2	1	0
4	1103106	Kế toán quản trị 1	3	2	1	0
5	1103122	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1	0
6	1103103	Kế toán công 1	4	3	1	0
7	1103115	Kế toán và lập báo cáo thuế	3	2	1	0
8	1103156	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	4	3	1	0
9	1103153	Thẩm định giá bất động sản	3	2	1	0
10	1103154	Thẩm định giá máy móc thiết bị	3	2	1	0
11	1103155	Thẩm định giá tài sản vô hình	3	2	1	0
12	1103159	Nghiên cứu, ứng dụng trong kế toán, kiểm toán	3	2	1	0
13	1103163	Thực hành nghề nghiệp thẩm định giá	2	1	1	0
	TcTDG5	Kiểm thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0	0
1	1103149	<i>Nguyên lý hình thành giá cả thị trường</i>	2	2	0	0
2	1103105	<i>Kế toán công ty</i>	2	2	0	0
3	1103123	<i>Tổ chức công tác kế toán</i>	2	2	0	0
II.3		Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án/ khoá luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế đồ án/ khóa luận tốt nghiệp)	15	0	0	15
1	1103158	Thực tập tốt nghiệp (Chuyên ngành Thẩm định giá)	8	0	0	8
2	1103141	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (Chuyên ngành Thẩm định giá)	7	0	0	7
	TcTnTDG	Sinh viên không làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp đăng ký học thêm 7 tín chỉ trong các học phần sau:	7	7	0	0
1	1103111	<i>Kế toán tài chính 3</i>	3	1	2	0
2	1103108	<i>Kế toán quốc tế</i>	3	3	0	0
3	1103102	<i>Hệ thống thông tin kế toán</i>	3	2	1	0
4	1103134	<i>Kiểm toán tài chính 2</i>	3	2	1	0
5	1103152	<i>Tổ chức thẩm định giá</i>	4	3	1	0
		Tổng toàn khoa (Tín chỉ)	147	106	22	19

Ghi chú:

- Các học phần " Tiếng Anh Thương mại 1"; " Tiếng Anh Thương mại 2"; " Tiếng Anh Thương mại 3"; " Tiếng Anh Thương mại 4" và " Tiếng Anh Thương mại 5" không tính khối lượng tích lũy tín chỉ của chương trình đào tạo.

- "***": sinh viên có thể đăng ký học thay thế bằng các học phần Tiếng Trung Quốc; hoặc Tiếng Hàn Quốc; hoặc Tiếng Nhật (nếu có).

8. Tiến trình đào tạo

